

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

Tập 74

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Ngày 09 tháng 07 năm 2010

Địa điểm: Hiệp hội giáo dục Phật-đà Hồng Kông

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 80, dòng thứ nhất.

“Dưới đây chính thức giải thích tên đề kinh này.” “Chữ đầu tiên trong đề kinh là chữ Phật”, chữ thứ nhất, chữ thứ nhất là chữ Phật. “Phật là gọi tắt của Phật-đà trong tiếng Phạn”, trong tiếng Phạn còn có một âm cuối, gọi là Phật-đà-da, người Ấn Độ nói chuyện đều có âm cuối. Phật pháp tạng, pháp là đặt-ma, chúng ta thường nói đặt-ma-da, tạng-già-da. Người Trung Quốc ưa đơn giản, lược bỏ hết những âm cuối đó, Phật-đà-da chúng ta chỉ giữ lại một chữ Phật, âm cuối đều bỏ đi, cho nên đây là gọi tắt. “Nghĩa là giác”, ý nghĩa của chữ này giống với chữ “giác” trong từ “giác ngộ” của Trung Quốc, ý nghĩa là giác. Mặc dù ý nghĩa là giác, nhưng điều ở đây nói cùng với điều Trung Quốc nói vẫn là không giống nhau, ở đây nói đến ba loại giác. “Giác là đối với mê mà nói, mê thì là chúng sanh”, giác ngộ thì gọi là Phật. Giác này của Trung Quốc chúng ta không có ý nghĩa ba loại giác, còn ở đây có ba loại giác. “Ba giác đều viên mãn thì gọi là Phật.” Tiếp theo nói, là ba giác nào? “Ba giác là: tự giác, giác tha và giác mãn. Ba giác viên mãn thì gọi là Phật-đà.” Cho nên ở Trung Quốc cũng không tìm được một chữ thích hợp để dịch, nếu có thể tìm được chữ thích hợp thì dùng chữ “giác” là được rồi, thế nhưng ý nghĩa của giác không giống với điều ở đây nói, cho nên bắt đắc dĩ, lúc đó khi dịch kinh mới tạo ra một chữ. Quý vị phải biết, chữ Phật (佛) này là tạo ra khi dịch kinh, ở Trung

Quốc vốn không có chữ này, không có chữ nào có chữ nhân (人) bên cạnh chữ phất (弗) như thế này, chỉ có chữ phất này, chữ phất này được được xem là từ phủ định. Bởi vì Phật-đà là người, cho nên thêm vào chữ “nhân”. Thế nên chữ này là tạo ra khi phiên dịch kinh Phật, khi dịch kinh Phật đã tạo ra không ít chữ. Chúng ta hiểu được nguồn gốc của chữ này.

Thế nào gọi là tự giác? Trong Đại thừa Trung Quốc chúng ta nói là đã khai ngộ. Khai ngộ có tiểu ngộ, có đại ngộ, có đại triệt đại ngộ, đây là có tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn nghiêm ngặt là điều Phật đã nói trong kinh, tiểu ngộ là Chánh giác, đại ngộ là Chánh đẳng chánh giác, triệt ngộ là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tiêu chuẩn này thì cao. Chúng ta thông thường cả đời học Phật, ngay cả tiểu ngộ cũng không đạt được, đây là sự thật. Vì sao vậy? Đoạn được kiến tư phiền não thì đây mới là tiểu ngộ, việc này không phải việc dễ dàng. Trong kinh Hoa Nghiêm nói vọng tưởng phân biệt chấp trước, kiến tư phiền não là chấp trước, bạn còn có chấp trước không? Đứng đầu trong chấp trước là chấp ngã, trong chấp ngã thì nhất định có tham sân si, trong tông Pháp tướng nói, chấp trước là mặt-na thức, bốn phiền não lớn thường đi theo, thứ nhất là ngã, ba thứ phía sau là tham sân si. Ngã ái, bạn có thể không có sao? Ngã mạn, ngã si chắc chắn là có, sanh ra đã có đủ, cho nên trong Phật pháp gọi là phiền não vừa sanh ra đã có. Phật cũng gọi đó là ba độc phiền não, vì sao vậy? Hết thấy ý niệm bất thiện, hành vi bất thiện đều sinh ra từ ba cái rễ này.

Phật dạy chúng ta phải dùng ba phương pháp để đối trị nó, ba phương pháp này là gì? Giới định tuệ. Dùng giới để đối trị tham, chính là ngã ái, dùng giới luật để đối trị phiền não này; dùng định để đối trị ngã mạn, mạn là sân giận; dùng trí tuệ để đối trị ngã si. Bạn hãy xem, tất cả pháp mà Phật nói trong 49 năm đều không rời giới định tuệ, ngài để lại nhiều kinh điển như vậy, tổ sư đại đức phân loại chúng, chính là dùng giới định tuệ để phân loại.

Nhưng mỗi lần Phật giảng kinh, giảng khai thị, bất luận thời gian dài hay ngắn, dù chỉ giảng một giờ, trong ấy đều bao hàm giới định tuệ. Phân loại kinh điển thì phân loại thế nào? Chính là xem trong ba điều này điều nào được giảng nhiều hơn thì xếp vào loại đó. Cho nên tam tạng của chúng ta gọi là kinh luật luận, kinh chính là định học, nói về định nhiều, nói về tam-muội nhiều; luật chính là luật tạng, đại khái là nói nhiều về phương diện quy củ; luận tạng là tuệ, giảng về tuệ, gọi là tam tạng kinh điển. Kinh và luận là để đối trị tư tưởng, kiến giải sai lầm của chúng ta, giới luật là đối với ngôn luận, hành vi của chúng ta, đây là tam học. Phiền não nặng thì bạn không có cách gì khai ngộ, không những không cách gì đại ngộ, mà tiểu ngộ cũng không có cách gì đạt được. Hạ tiêu chuẩn ngộ của Phật xuống đến mức thấp nhất, thấp nhất là Tu-đà-hoàn, Sơ quả của Tiểu thừa, Bồ-tát địa vị Sơ tín của Đại thừa, chúng ta đều không làm được.

Trước đây khi tôi mới học Phật với thầy Lý Bình Nam, thầy từng nói với tôi, các vị tổ sư đại đức trải qua các triều đại của Trung Quốc rất nhiều đều là người chứng quả, tuy chưa chứng đến A-la-hán, nhưng chứng Tam quả, Nhị quả thì rất nhiều, Tam quả là A-na-hàm, Nhị quả là Tư-đà-hàm, thật sự gọi là có tu có chứng. Trong giáo pháp Đại thừa, như kinh Hoa Nghiêm, thông thường đều là Lục tín trở xuống, từ Sơ tín đến Lục tín, người tu hành tại gia hay xuất gia chứng được quả vị này rất nhiều, rất phổ biến. Địa vị Thất tín tương đương với A-la-hán trong Tiểu thừa, đã ra khỏi lục đạo rồi. Đến Lục tín, quý vị phải biết, vẫn chưa ra khỏi lục đạo luân hồi, thế nhưng chỉ cần chúng được địa vị Sơ tín thì dù họ ở cõi trời hay cõi người trong lục đạo, họ tuyệt đối sẽ không堕 vào ba đường ác, nơi tu hành của họ chính là cõi trời và cõi người. Chứng đến địa vị Thất tín thì ra khỏi lục đạo, vậy thì sanh vào pháp giới Thanh văn trong mười pháp giới, lên trên nữa là pháp giới Duyên giác, cứ vậy từng bước từng bước lên cao. Nghiệp chướng của chúng

ta hiện nay nặng hơn người xưa, ngay cả địa vị Sơ tín cũng không đạt được. Trong thời đại ngày nay, lão cư sĩ Hoàng đã nói rất rõ ràng, tu thiền không những nói không thể khai ngộ, mà ngay cả đắc định cũng không đạt được. Những năm đầu Dân Quốc có một vài vị tu thiền, đắc thiền định, điều đó là thật chứ không phải giả, như lão hòa thượng Hư Vân là ngài đắc thiền định nhưng chưa khai ngộ. Còn thời nay, thế hệ trước đã qua rồi, đến thế hệ kế tiếp, ngay cả thiền định cũng không đạt được, chúng ta không thể không biết điều này.

Lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập bản kinh này, điều này còn nói gì được nữa? Quý vị thử nghĩ xem, trước đây Vương Long Thư, Bành Nhị Lâm, Ngụy Mặc Thâm, mặc dù đều là cư sĩ tại gia nhưng chẳng phải người phạm, thật sự phát tâm lớn lợi ích chúng sanh, hoằng dương Tịnh tông, hội tập kinh Vô Lượng Thọ, mà vẫn không tránh khỏi có tì vết. Ai mà chẳng hy vọng hội tập được một bản kinh tận thiện tận mỹ, làm nên cống hiến chân thật cho Tịnh tông? Sau cùng đến tay lão cư sĩ Hạ Liên Cư thì mới thật sự thành tựu được một bản kinh hoàn thiện, thật sự là bản hội tập hoàn thiện của năm bản dịch gốc. Bản kinh ban đầu của ngài, còn bản mà chúng ta hiện đang dùng đây là bản hiệu đính lần thứ mười, đây là bản chính thức. Bản thảo ban đầu này rất đáng được lưu giữ làm kỷ niệm, chúng tôi đã thỉnh bên Đài Loan in 1.000 bản, không cần in nhiều, để những người thật sự tu học Tịnh tông làm kỷ niệm. Hãy xem bản ban đầu của lão cư sĩ Hạ, rồi lại xem bản tu sửa lần thứ mười này, sau khi chúng ta hiểu rõ [thì sẽ sanh lòng] cảm ơn với đại đức hội tập, ngài đối với Phật pháp, đối với 9.000 năm thời kỳ mạt pháp này đã làm ra cống hiến vĩ đại nhất.

Tiêu chuẩn của tự giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, giống như Thích-ca Mâu-ni Phật 30 tuổi thị hiện thành đạo cho chúng ta thấy, đêm thấy sao mai, bỗng nhiên triệt ngộ; ở Trung Quốc, đại sư Huệ Năng đại triệt

đại ngộ ngay dưới lời dạy của Ngũ tổ, đây gọi là tự giác. Ba giác đều viên mãn thì tự giác này mới viên mãn. A-la-hán đã tự giác nhưng chưa viên mãn; Bồ-tát cũng đã tự giác nhưng vẫn chưa viên mãn, nhất định phải minh tâm kiến tánh thì tự giác này mới viên mãn. Sau khi tự giác viên mãn còn phải giác tha, giác tha này là gì? Giúp người khác giác ngộ. Nhiều người khác còn chưa giác ngộ, làm sao các ngài thành Phật được? Bồ-tát giúp người khác giác ngộ, chính là giúp chính mình, người Trung Quốc chúng ta nói dạy và học cùng nhau tiến bộ, chính là ý này. Bạn không chịu dạy người khác thì bạn rất khó giác ngộ. Trong quá trình dạy học, thường là bỗng nhiên giác ngộ, có khi học trò vừa hỏi thì giác ngộ liền, khi chưa có ai hỏi thì bạn không biết, vừa có người hỏi thì bạn giác ngộ. Cho nên trong dạy học thành tựu tự giác của bạn, tự giác viên mãn, đây gọi là giác tha. Đều viên mãn, giống như Bồ-tát cũng có tự giác, giác tha, nhưng chưa đạt đến viên mãn, chưa đạt đến đại triệt đại ngộ, nhất định phải đạt đến đại triệt đại ngộ thì tự giác, giác tha mới được viên mãn. Cho nên ba giác viên mãn, đây mới gọi là Phật-đà. Vì vậy chúng ta dùng một câu nói trong kinh Đại thừa, đây là mục tiêu chân thật của việc tu học Phật pháp, chính là điều mà chúng ta mong cầu, học Phật cầu điều gì? Cầu A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Câu này có thể dịch sang tiếng Trung, vì sao không dịch? Gọi là tôn trọng nên không dịch. Nó là mục tiêu chung của người học Phật, dịch sang nghĩa Trung Quốc là Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trong đề kinh của chúng ta, *Chánh giác* chính là tâm thanh tịnh, *Chánh đẳng chánh giác* là tâm bình đẳng, *Vô thượng chánh đẳng chánh giác* chính là chữ “giác” phía sau, bạn xem chính là “thanh tịnh bình đẳng giác”. Chúng ta áp dụng nó vào trong tâm Bồ-đề, tôi thêm phía trước chữ giác một chữ chánh, thành *chánh giác*, bởi vì đều là hai chữ, “chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi”. Phật-đà chính là ý nghĩa này.

“*Vậy nên biết rằng, Phật chính là chúng sanh có ba giác đều viên mãn, còn chúng sanh chính là Phật chưa giác.*” Cho nên trong Phật pháp nhất định phải biết, Phật pháp không phải là tôn giáo, vì sao vậy? Bởi chúng sanh và Phật là bình đẳng. Trong tôn giáo, Thượng đế và con người không thể bình đẳng, chân thân và người thông thường tuyệt đối không thể bình đẳng. Thế nhưng bạn phải biết, trong Phật giáo thì Phật Bồ-tát và hết thảy chúng sanh chúng ta là bình đẳng, khác biệt ở chỗ nào? Một bên là đã giác ngộ, một bên là còn chưa giác ngộ, cho nên chúng sanh là Phật chưa giác ngộ. Người học Phật nhất định phải hiểu, phải rõ ràng; khi người khác hỏi bạn, ở bất cứ nơi đâu cũng phải nói rõ ràng, nói tường tận cho người ta. Vì sao vậy? Hiện nay xã hội hiểu lầm Phật giáo quá sâu, xem Phật giáo là mê tín, xem Phật giáo là tôn giáo, chúng ta làm đệ tử Phật có sứ mệnh, có trách nhiệm phải chánh danh cho Phật giáo. Tổ tiên chúng ta thường nói “danh không chánh thì ngôn không thuận”, tôi vừa xuất gia là đã muốn làm công việc chánh danh cho Phật giáo, đã kiến nghị với Hội Phật giáo Trung Quốc thêm hai chữ vào trong từ “Phật giáo”, thành “giáo dục Phật-đà”. Họ nghe thì cũng rất hoan hỷ, thế nhưng không thật sự nỗ lực thúc đẩy. Chúng tôi tự mình làm, ở Đài Loan tôi có một tổ chức nhỏ, là “Quỹ Giáo dục Phật-đà”, tôi đã dùng danh xưng giáo dục Phật-đà; đạo tràng này của chúng ta cũng là “Hiệp hội Giáo dục Phật-đà”, thêm hai chữ ấy vào. Chúng ta tu học là giáo dục Phật-đà, giáo dục Phật-đà dạy điều gì? Phải biết điều này, giáo dục Phật-đà dạy điều gì? Dạy chúng ta nhận biết thật tướng các pháp, nói theo lời hiện nay là dạy chúng ta nhận biết chân tướng của hết thảy pháp, trong đây đâu phải mê tín! Mục tiêu sau cùng của Phật giáo là gì? Mục tiêu sau cùng là thành tựu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không phải mê tín, là giác mà không mê. Mỗi một đệ tử học Phật, ít nhất cũng phải có thể nói cho rõ ràng, nói cho sáng tỏ chữ “Phật” này,

vậy thì chúng ta mới xứng đáng với Phật-đà; nếu không nói cho rõ ràng, không nói cho sáng tỏ thì thật sự là có lỗi với Phật-đà.

Tiếp tục xem đoạn phía dưới: *“Lại nữa, Phật là một trong mười danh hiệu”*, đây là điều trong các kinh Đại thừa thường hay nói, Phật có mười danh hiệu. Vì sao có nhiều như vậy? Là để biểu thị trí tuệ, đức tướng của ngài. Phật nói trong kinh Hoa Nghiêm: “Hết thảy chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai”, cho nên trí tuệ đức tướng của Như Lai thì một danh hiệu không nói cho rõ ràng được, nên dùng đến mười danh hiệu. Mười cũng biểu thị cho viên mãn. Mười danh hiệu này, nếu bạn thấy đều nói được rõ ràng, nói được tường tận, thì tức là bạn đã đem Phật giáo chân thật giới thiệu cho họ một cách rõ ràng sáng tỏ. Mười danh hiệu này ở đây đọc qua một lượt, thứ nhất là Như Lai, thứ hai là Ứng Cúng, thứ ba là Chánh Biến Tri, thứ tư là Minh Hạnh Túc, thứ năm là Thiện Thệ, thứ sáu là Thế Gian Giải, thứ bảy là Vô Thượng Sĩ, thứ tám là Điều Ngự Trượng Phu, thứ chín là Thiên Nhân Sư, thứ mười là Phật. *“Đây đủ mười danh hiệu này nên được thế gian tôn sùng”*, những sự tôn sùng của thế gian, *“vậy nên gọi là Thế Tôn”*. Chữ “tôn” này có ý nghĩa là tôn sùng, tức tôn trọng và sùng kính. Đây đủ mười danh hiệu này chính là đầy đủ mười đức lớn này, cho nên gọi là Thế Tôn, đây là bậc được người đời tôn trọng nhất, nên xưng là Thế Tôn. *“Thế Tôn, tiếng Phạn là Bạc-già-phạm”*, quý vị chỉ cần thấy trong kinh điển chữ Bạc-già-phạm, Bạc-già-phạm là tiếng Phạn, ý nghĩa chính là Thế Tôn.

Tiếp theo lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ trích dẫn kinh luận để làm sâu sắc thêm sự nhận biết của chúng ta về Phật: *“Kinh Phật Địa nói: Bạc-già-phạm giác thanh tịnh nhất, trọn khắp pháp giới, tận cùng hư không, tột cùng vị lai.”* Đây là nói phạm vi đức dụng của ngài rộng lớn vô hạn. Không phải như chúng ta thường nói, thân tâm chúng ta thanh tịnh, môi trường cư trú của chúng ta thanh tịnh, đạo tràng này thanh tịnh, vậy thì quá nhỏ hẹp, giác thanh tịnh

của ngài là khắp pháp giới hư không giới. Có nơi nào không thanh tịnh hay không? Vậy chúng ta nghĩ đến ngạ quỷ, địa ngục, đây là không thanh tịnh, giác thanh tịnh nhất của Phật có thể khiến địa ngục, ngạ quỷ cũng thanh tịnh được không? Thanh tịnh được, không sai chút nào. Vì sao vậy? Khi tôi mới học Phật, có một lão cư sĩ giúp tôi rất nhiều, họ Chu, ông Chu Kính Trụ, ông và lão cư sĩ Lý Bình Nam bằng tuổi nhau, cũng tu học Tịnh độ cùng một vị thầy, hai người tu Tịnh độ là học với đại sư Ấn Quang. Ông kể cho tôi nghe một câu chuyện, câu chuyện này là thật chứ không phải giả. Những năm đầu Dân Quốc, ông là con rể của tiên sinh Chương Thái Viêm, tức là vợ ông là con gái của Chương Thái Viêm, Chương Thái Viêm là Đại sư quốc học của Trung Quốc đầu thời Dân Quốc, danh tiếng rất cao. Ông nói, cha vợ của ông đã từng ở chỗ Đông Nhạc Đại Đế, ở Thái Sơn tỉnh Sơn Đông, ở chỗ Đông Nhạc Đại Đế, làm phán quan cho Đông Nhạc Đại Đế hơn một tháng. Có lẽ là vị phán quan lâm thời có việc không thể lên diện xử việc, nên mời ông đến thay thế, thay hơn một tháng. Địa vị của phán quan rất cao, tương đương với chức tổng thư ký hiện nay, trên thực tế thì việc xử lý công vụ của Đông Nhạc Đại Đế đều do phán quan làm.

Hơn một tháng đó rất vất vả, điều này cụ Chu và những người khác đều tận mắt thấy, không phải giả. Ban ngày có công việc, ban đêm khi mọi người ngủ, nằm ngủ say trên giường, sau khi ông vừa nằm lên giường thì liền đến nha môn của Đông Nhạc Đại Đế để làm việc. Mỗi đêm đều có hai tiểu quỷ, lúc đó khiêng kiệu đến mời ông lên kiệu, ông liền đi làm việc, cho nên ngày đêm đều không được nghỉ ngơi, rất vất vả. Ông kể rằng mình đã từng kiến nghị với Đông Nhạc Đại Đế, trong địa ngục có một loại hình phạt gọi là bào lạc, ông nói hình phạt này là không nhân đạo, quá tàn nhẫn. Tức là lấy một cây cột, là cột đồng, nung đỏ lên, đốt lửa cho đỏ rực, bắt tội nhân đến ôm cột này, khi vừa ôm vào thì toàn thân đều bị thiêu cháy, người đều

bị cháy đen. Ông nói hình phạt này quá tàn nhẫn, xin Đông Nhạc Đại Đế liệu có thể bãi bỏ được không? Đông Nhạc Đại Đế cười cười rồi bảo ông rằng: “Ông hãy đi xem trước đã”, liền sai hai tiểu quỷ dẫn ông đi xem. Đi một đoạn đường chẳng ngắn, đi đến nơi đó, hai tiểu quỷ nói với ông: “Phán quan, đến rồi, chính là chỗ này.” Ông nhìn nhưng không thấy gì, ông là một tín đồ Phật giáo, lập tức nghĩ ngay ra rằng, điều này không liên quan đến Đông Nhạc Đại Đế hay Diêm vương, mà là nghiệp lực biến hiện, ông không có nghiệp lực này nên ông không nhìn thấy địa ngục. Chúng ta xem thấy trong kinh Địa Tạng, ai đến được địa ngục? Một là Bồ-tát, đến địa ngục để độ chúng sanh, thứ hai là chính bạn có tội nghiệp này, địa ngục này liền hiện tiền; bạn không có tội này, bạn cũng không phải là Bồ-tát thì bạn không thấy được.

Chúng ta từ công án này liền thể hội được, Phật là giác thanh tịnh nhất, đối với những cảnh giới bất thiện như vậy, Phật có thấy được không? Không thấy được. Vì sao không thấy được? Vì Phật không có nghiệp này. Tâm Phật thanh tịnh, ngài thấy địa ngục cũng là thanh tịnh. Trừ khi chúng sanh trong địa ngục có cầu, cầu Phật Bồ-tát cứu họ, thì Phật Bồ-tát liền có ứng. Mặc dù có ứng, đến địa ngục để hóa độ chúng sanh, nhưng nói thật ra thì Phật trụ cõi Thật báo trang nghiêm, phàm phu chúng ta không thấy được. Thích-ca Mâu-ni Phật năm xưa xuất hiện ở thế gian này, ngài trụ ở đâu? Ngài trụ cõi Thật báo trang nghiêm, chúng ta không thấy được, gọi là không cùng chiều không gian. Chúng ta thấy Thích-ca Mâu-ni Phật dường như giống với chúng ta, thật vậy, ăn một bữa giữa ngày, ngủ một đêm dưới cây, chúng ta thấy là tương như vậy, đó là tướng mà ngài biểu diễn, còn tướng đời sống thực tế của ngài thì chúng ta không thấy được. Dường như trong kinh có một đoạn kinh văn như thế, không dài, Thích-ca Mâu-ni Phật cũng thị hiện, có người đến thỉnh giáo ngài, khi đó Phật đang ngồi kiết già, ngài buông một chân xuống, mũi chân chạm đất, núi sông đất đai đều biến thành thế giới toàn

màu vàng rờng, để mọi người nhìn thấy một chút. Đó là gì? Cái mọi người thấy đó là gì? Là cõi Thật báo trang nghiêm, phàm phu không thấy được. Cho nên trong cảnh giới của Phật, đích thực thì địa ngục A-tỳ ở trong cảnh giới Phật là thanh tịnh bậc nhất, về lý mà nói là pháp giới bình đẳng.

Trong pháp giới bình đẳng nhất định không có đối lập, nhiễm tịnh là đối lập, phàm thánh là đối lập, thiện ác là đối lập, thiên đường địa ngục là đối lập, trong pháp giới nhất chân thì không có đối lập. Những thứ này có tồn tại hay không? Tồn tại, nhưng không đối lập; tuy tồn tại mà mỗi bên không hề chướng ngại nhau, đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn, kinh Hoa Nghiêm gọi là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Đây là chân tướng sự thật, vì sao? Tất cả mọi hiện tượng đều là tướng hư ảo, “phàm những gì có tướng đều là hư vọng”, “tất cả pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng”, hiện tượng không phải thật. Hơn nữa, sự tồn tại của hiện tượng chỉ trong khoảng một niệm, một niệm đó gì? Như điều mà Bồ-tát Di-lặc nói, một khảy ngón tay có 320 ngàn tỷ ý niệm. Một khảy ngón tay có 320 ngàn tỷ ý niệm, bạn có thể tìm thấy sanh diệt hay không? Đây là nói lên điều gì? Nói lên hiện tượng của mười pháp giới, pháp giới nhất chân cũng không ngoại lệ. Thuần chân không vọng chỉ có một cảnh giới, gọi là Thường tịch quang, bốn cõi Tịnh độ mà Tịnh độ tông chúng ta nói tới thì cao nhất là Thường tịch quang. Thường tịch quang là tự tánh, trong ấy không có hiện tượng vật chất, cũng không có hiện tượng tinh thần, thậm chí ngay cả thứ mà khoa học ngày nay gọi là năng lượng thì trong Thường tịch quang cũng không có. Trong a-lại-da có ba tướng tế, Thường tịch quang là tự tánh, trong tự tánh thì không có, không có những hiện tượng này. Nhưng không thể nói là không có, đại sư Huệ Năng khi kiến tánh đã nói: “Nào ngờ tự tánh, vốn tự đầy đủ”, mặc dù đầy đủ nhưng không hiện hình, ngay cả hiện tượng năng lượng cũng không hiện hình, nhưng nó đầy đủ, cho nên nó có thể sanh ra vạn pháp, chỉ cần vừa động một niệm cực

kỳ vi tế thì tự tánh liền biến hiện thành a-lại-da, a-lại-da hiện hết thấy pháp, y chánh trang nghiêm. Bản thân chúng ta là chánh báo, ngoài ta ra, bao gồm cả pháp giới nhất chân, đều là y báo của ta. Trong y báo có y báo về nhân sự, có y báo về vật chất, có y báo về hoàn cảnh. Y chánh đồng thời khởi lên. Thức thứ bảy chính là ta, 8 thức 51 tâm sở một khi triển khai thì chính là toàn thể vũ trụ, y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới mà chúng ta nói ngày nay, một niệm hiện đủ, đều hiện ra đầy đủ, chỉ một niệm! Thời gian của một niệm này quá nhanh, cho nên trong giáo pháp Đại thừa thường nói không sanh không diệt. Nếu thật sự là không sanh không diệt thì lời nói này chẳng có mấy may ý nghĩa gì, đã biến thành hý luận. Đích thực là có sanh diệt, thế nhưng thời gian sanh diệt quá ngắn, bạn căn bản không có cách nào thể hội được. Cho nên ngày nay nhà khoa học lượng tử nói với chúng ta, vật chất là gì? Vật chất là hiện tượng do ý niệm tích lũy liên tục, không phải thật. Do đây có thể biết, thiên đường, địa ngục đều không phải thật, trời Dục giới, trời Sắc giới lẽ nào lại là thật? Lục đạo, mười pháp giới đều không thể vượt khỏi nguyên lý này. Chúng ta hiểu rõ những chân tướng sự thật này rồi, cũng thấy trong đây, “Bạc-già-phạm giác thanh tịnh nhất, trọn khắp pháp giới, tận cùng hư không, tốt cùng vị lai”, chúng ta liền hiểu được, đó là thật chứ không phải giả.

A-la-hán đã giác ngộ, giác ngộ, nói cách khác, không gian sống của các ngài lớn hơn chúng ta. Bạn xem chúng ta hiện nay, không gian sống vẫn chưa thể rời khỏi trái đất. So với người xưa thì khá hơn một chút, thời xưa giao thông bất tiện, thông tin chưa phát triển, rất nhiều người là sống đến già chết mà không qua lại với nhau, sống trong thành này cả đời, thành bên cạnh cũng chưa từng đi đến, đó là người xưa. Hiện nay không gian đã mở rộng, có phương tiện giao thông, có thông tin, cho nên bây giờ không gian sống là toàn bộ trái đất. Vậy thì chúng ta khi suy tính một việc, cũng phải vì cư dân

trên toàn trái đất mà suy tính, như thế mới đúng, vì sao vậy? Họ với chúng ta là một thể. Cho nên hiện nay người ta nói làng trái đất, lời nói này rất có đạo lý, chúng ta cùng ở một ngôi làng thì làm sao có thể không quan tâm, làm sao có thể không chăm sóc nhau? Thế nhưng A-la-hán đã thành Chánh giác, thoát khỏi lục đạo luân hồi, không gian sống của các ngài lớn hơn chúng ta, trong kinh Phật nói, không gian sống của các ngài là một tiểu thiên thế giới. Một đơn vị thế giới, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói với tôi, là một hệ ngân hà. Một tiểu thiên thế giới là 1.000 hệ ngân hà, bạn thấy không gian sống của A-la-hán lớn đến như vậy, 1.000 hệ ngân hà! Đối với chúng ta mà nói, điều này là không thể nghĩ bàn. Thế nhưng trong Phật pháp mà nói thì vẫn là quá nhỏ. Không gian sống của Bồ-tát lại cao và lớn hơn A-la-hán, là 3.000 đại thiên thế giới, đó là Bồ-tát chưa kiến tánh. Còn Bồ-tát đã kiến tánh thì giống như chỗ này nói, gần như không khác gì Phật, trọn khắp pháp giới, tận cùng hư không, tột cùng vị lai. Tột cùng vị lai ở phía sau là nói về thời gian, phía trước là không gian, cũng tức là nói, đã đột phá thời gian và không gian, tất cả đều là phạm vi sinh hoạt của các ngài, nơi nào chúng sanh có cảm, các ngài lập tức liền nhận được tin tức đó.

Nhận được tin tức rồi thì còn phải xem duyên phận, gọi là “Phật không độ người không có duyên”, chúng sanh này với vị Bồ-tát này có duyên phận thì Bồ-tát sẽ thị hiện, nên dùng thân gì để độ liền hiện thân ấy. A-la-hán cũng có năng lực này, chỉ là bị hạn chế trong một tiểu thiên thế giới, cũng là nên dùng thân gì để độ thì các ngài có thể hiện thân ấy. Các ngài có thần túc thông, thần túc thông chính là bay đi biến hóa. Thật ra bay đi chỉ là một cách ví dụ, không phải thật, không phải thật sự bay đi, tại vì sao? Bởi các ngài đã đột phá được các chiều không gian của lục đạo, A-la-hán đã đột phá rồi. Sau khi đột phá, nói về không gian thì không còn khoảng cách, nói về thời gian thì không còn trước sau, đây mới là thật. Đây là ý niệm (niệm lực), trong kinh

Phật nói là niệm lực, trong năm lực có nói đến niệm lực, không thể nghĩ bàn. Hiện nay khoa học cũng dần dần phát hiện ra rằng ý niệm không thể nghĩ bàn. Cho nên ý niệm phải tốt, bất luận ý niệm này của chúng ta là thiện hay là ác, là vô tình hay là cố ý, hiện nay các nhà khoa học nói với chúng ta, không thể không cẩn thận với ý niệm của chúng ta, vì sao vậy? Bất kỳ ý niệm nào cũng đều ảnh hưởng đến toàn bộ trái đất, đây là lời của nhà khoa học. Thế nhưng Phật pháp nói không chỉ là trái đất, như các bạn đã thấy trong Hoàn Nguyên Quán, bất luận là ý niệm gì, niệm thô hay niệm tế, niệm thiện hay niệm ác, niệm nhiễm hay niệm tịnh, vừa động ý niệm liền khắp pháp giới hư không giới. “Trùm khắp pháp giới, xuất sanh vô tận, gồm không lẫn có”, đây là lời nói trong Hoàn Nguyên Quán, là thật chứ không phải giả. Hiện nay nhà khoa học chưa dám nói là ảnh hưởng đến các tinh cầu khác, nhưng họ nói đến việc ảnh hưởng toàn thể giới của chúng ta, phát hiện này thật không dễ.

Xem tiếp một đoạn trong luận Thành Thật: *“Luận Thành Thật đã gộp Vô Thượng Sĩ và Điều Ngự Trượng Phu thành một danh hiệu, tức là từ Như Lai đến Thế Tôn là mười danh hiệu. Phần giải thích tường tận về mười danh hiệu này”,* chính là giải thích chi tiết, *“nằm ở phẩm thứ tư phía sau”,* chính là phẩm Pháp Tạng Nhân Địa. Cho nên chỗ này chúng ta sẽ không nói từng danh hiệu một, tương lai khi giảng đến phẩm thứ tư sẽ giải thích chi tiết. *“Phần trên đã nói rõ chữ Phật là danh hiệu chung của bậc cực thánh”,* mấy chữ “danh hiệu chung” này cần phải đặc biệt chú ý, nó không phải là tên dành riêng cho một người nào, tu học của bạn đạt đến cảnh giới này thì liền được gọi là Phật-đà. Bởi vì chúng ta đã học Phật nhiều năm như vậy, mới hiểu Phật giáo đích thực là giáo dục. Phật, Bồ-tát, A-la-hán rất giống với danh xưng học vị trong trường học hiện nay, học vị cao nhất là Phật-đà, tương tự như học vị tiến sĩ trong trường học hiện nay; học vị thứ hai là Bồ-tát, giống như học vị thạc sĩ; học vị

thứ ba là A-la-hán, giống như học vị cử nhân, là danh xưng của ba học vị trong giáo dục Phật-đà. Cho nên đó là danh hiệu chung, bạn đạt đến cảnh giới này thì sẽ được danh hiệu này. Tiêu chuẩn trong Phật pháp, học vị thứ nhất là đoạn kiến tư phiền não, chỉ cần kiến tư phiền não đoạn rồi thì người này được gọi là A-la-hán, trí tuệ, đức hạnh, thần thông của A-la-hán đều đầy đủ, những thứ này trong tự tánh vốn có, nay đã hiển lộ ra toàn bộ. Học vị thứ hai là Bồ-tát, Bồ-tát không những phải buông xuống chấp trước, mà còn phải buông xuống phân biệt, cũng tức là nói, phân biệt này chính là trần sa phiền não thường nói trong kinh Đại thừa, họ phải phá kiến tư phiền não, còn phải phá trần sa phiền não, đây là Bồ-tát, thành Chánh đẳng chánh giác. Học vị cao nhất là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đó chính là sau cùng đoạn dứt phiền não vô minh.

Phiền não vô minh trong kinh Hoa Nghiêm gọi là vọng tưởng, tôi thường dùng câu không khởi tâm, không động niệm để nói, mọi người dễ hiểu, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài mà không khởi tâm động niệm. Không khởi tâm động niệm thì có thể hiểu rõ được không? Có thể hiểu rõ, thật sự hiểu rõ. Quý vị phải biết, hễ khởi tâm động niệm thì cái bạn dùng là thức tâm, tức là a-lại-da, dùng thức tâm, vọng tâm; không khởi tâm, không động niệm thì là dùng chân tâm. Do đây có thể biết, ba học vị chúng ta vừa nói phía trước, A-la-hán và Bồ-tát, Bồ-tát này gọi là Quyền giáo Bồ-tát, cũng chính là Bồ-tát trong mười pháp giới, Bồ-tát được nói trong kinh Phật không phải là Ma-ha-tát. Cho nên trong kinh Phật thường nói Bồ-tát Ma-ha-tát, Ma-ha-tát là Pháp thân Bồ-tát, đó là gì? Đó là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, trên thực tế thì các ngài đều đã thành Phật, trong kinh Hoa Nghiêm gọi các ngài là Pháp thân Bồ-tát, trên thực tế thì các ngài là Phật thật chứ không phải Phật giả, là phân chứng tức Phật mà đại sư Thiên Thai nói tới. Bồ-tát trong mười pháp giới là tương tự tức Phật, Phật trong mười pháp

giỏi cũng là tương tự tức Phật, chúng ta không thể không làm rõ ràng điều này. Bản thân chúng ta đến cảnh giới nào thì chính mình biết được, biết được thì có chỗ tốt; không biết thì tạo tội nghiệp. Vì sao vậy? Bởi không biết nên cống cao ngã mạn, tự cho mình đúng; nếu rõ ràng sáng tỏ biết được rồi thì sẽ hiểu rằng bản thân không được, không thể so với Phật, không thể so với tổ sư đại đức, ngay cả thấp nhất là Tu-đà-hoàn, Bồ-tát địa vị Sơ tín cũng không sánh bằng, thế thì tập khí ngạo mạn đó của chúng ta mới có thể hóa giải.

Đối với pháp thế gian lẫn xuất thế gian, nếu trên phương diện học thuật hoặc khoa học kỹ thuật bạn có thành tựu, càng có thành tựu càng cảm thấy mình tài giỏi, đáng để kiêu ngạo, vậy thì xong rồi. Khổng tử nói, người này “dù có đức hạnh và tài năng như Chu công, nhưng lại kiêu căng keo kiệt, vậy thì những cái khác không cần xét đến nữa”. Những thánh hiền này, người thật sự có đức hạnh, có học vấn sẽ không để ý đến bạn, vì sao vậy? Bạn là giả, bạn không phải thật. Là thật, người xưa cũng có một câu: “Khi học vấn sâu thì tâm khí bình hòa”, càng là người có học vấn, càng có đức hạnh thì càng khiêm tốn, càng khiêm hạ, càng biết tôn trọng người khác. Bạn thấy Bồ-tát Phổ Hiền, ngài đã làm được thập đại nguyện vương, người khác chưa chắc làm được, còn ngài thì làm được viên mãn trọn vẹn một trăm phần trăm. Lễ kính chư Phật, Bồ-tát Phổ Hiền chẳng những đối với người nghèo hèn thấp kém có lễ phép, cung kính, mà đối với hết thảy chúng sanh, bao gồm những gì? Bao gồm cây cối hoa cỏ, núi sông đất đai, hết thảy đều cung kính. Ngày nay nhà khoa học cũng nêu ra một cách nói, tôi đọc xong rất tán thán, họ nói đối với vật chất cơ bản của tất cả vật chất, tức là hạt cơ bản, đều phải tôn trọng mỗi một hạt cơ bản. Vì sao vậy? Dù nó nhỏ đến đâu, bên trong nó đều hàm chứa hiện tượng tinh thần viên mãn, chính là thông tin viên mãn, không thể coi thường. Hết thảy mọi hiện tượng vật chất đều do nó hình thành, nó là nền tảng của vật chất. Trong Phật pháp nói, Phật pháp nói vi

trần, cực vi chi vi, nó có thọ tướng hành thức. Bồ-tát Di-lặc nói “mỗi niệm thành hình”, là hiện tượng vật chất, “hình đều có thức”, tức là có thọ tướng hành thức, cho nên dù là vật chất nhỏ bé đi nữa cũng đều có thọ tướng hành thức. Đây chính là nói cho chúng ta biết, khắp pháp giới hư không giới là một cơ thể hữu cơ, sống động, nó không phải là chết, núi sông đất đai là sống. Chúng ta thấy Giáo tông của Thiên Chúa giáo (tức Giáo hoàng), bạn thấy mỗi khi ngài đến viếng một quốc gia, việc đầu tiên sau khi xuống máy bay là gì? Chính là hôn mặt đất. Có đạo lý! Không phải không có đạo lý, ngài hiểu, ngài không phải không hiểu, làm ra dáng vẻ như vậy để cho chúng ta thấy. Bạn xem, ngài đến nơi này của bạn, ngay cả mảnh đất này ngài còn yêu thương như vậy, thì cư dân sinh sống ở nơi này làm sao lại chẳng yêu thương!

Cho nên Phật, Bồ-tát, A-la-hán, chúng ta nhất định phải hiểu cho rõ ràng, các ngài không phải là thần, cũng chẳng phải là tiên, đó là học vị tu học trong Phật môn, có ba cấp độ này, là học vị. Đều là danh hiệu chung, không phải chuyên chỉ một người nào. Bồ-tát có rất nhiều Bồ-tát, đó chính là chuyên ngành không giống nhau. Bồ-tát Quán Âm không phải chỉ một người, quá nhiều, bạn tìm vị Bồ-tát Quán Âm nào đây? Cũng giống như bạn đi tìm một người có học vị thạc sĩ, thạc sĩ thì quá nhiều, lại còn phân khoa. Quán Âm là chuyên môn thị hiện dạy về từ bi, Địa Tạng là dạy bạn hiểu thân tôn sư, là môn học khác nhau. Văn-thù là dạy bạn trí tuệ, Phổ Hiền là dạy bạn thực tiễn, dạy bạn làm sao đem những điều đã học áp dụng vào trong đời sống, áp dụng vào trong công việc, áp dụng vào trong cách xử sự đối người tiếp vật. Danh hiệu Bồ-tát là do khoa học không giống nhau, đều là danh hiệu chung, Bồ-tát Phổ Hiền không phải là một người, Bồ-tát Quán Âm cũng không phải là một người, có rất rất nhiều! Học pháp môn này thì đều gọi là Quán Âm, học pháp môn kia thì đều gọi là Phổ Hiền. Vì vậy, trong học vị nhất định phải thêm tên vào thì mới biết đó là chỉ cho vị nào, nếu không thêm

tên thì không được, sẽ không phân biệt được. Cho nên đã hiểu rõ về danh hiệu chung này.

“Nay dựa theo kinh này”, tức là trong bộ kinh hiện tại của chúng ta đây, *“chữ Phật trong đề kinh”,* đây là ai? Phật là danh hiệu chung, chư Phật thì quá nhiều, vậy là vị nào? *“Chính là giáo chủ cõi Ta-bà”,* Ta-bà là chỉ cho tên gọi của thế giới chúng ta, tiếng Phạn gọi là thế giới Ta-bà, giáo chủ cõi Ta-bà. *“Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Như Lai”,* cho nên là Thích-ca Mâu-ni Phật. Phía sau có giải thích về chữ Như Lai, ý nghĩa rất sâu rất rộng, ý nghĩa thông thường nhất là như trong kinh Kim Cang nói: *“Như Lai là Phật hiện tại như cổ Phật tái lai”,* ý này rất dễ hiểu, Phật Phật đạo đồng, Phật Phật bình đẳng, Phật hiện tại với Phật quá khứ không phải là hai, đây là một ý nghĩa tương đối cận trong chữ Như Lai. Bạn xem chúng ta xưng là bốn sư, tức là vị thầy căn bản. Người Trung Quốc quen gọi là tiên sư, bạn xem chúng ta gọi Khổng tử, gọi ngài là *Đại thành chí thánh tiên sư*. Đại thành là nói ngài thực hiện *“tập đại thành”*. Những lời dạy của các bậc thánh hiền, tổ tông ngày xưa của Trung Quốc để lại rất nhiều, thế nhưng vào thời đó đều là truyền miệng, chưa viết thành văn tự, ngài đem những lời dạy được truyền lại từ các bậc thánh hiền xưa chỉnh lý lại, chép thành văn tự để lại cho đời sau. Cho nên trong Luận Ngữ có rất nhiều câu không phải Khổng tử nói, đều là của các bậc thánh hiền xưa, ngài chỉnh lý và chép thành văn tự lưu truyền lại. Cho nên chính ngài nói rất rõ ràng, ngài cả đời là *“thuật lại mà không sáng tác, tin tưởng và ưa thích lời người xưa”*. Khổng tử không lừa gạt người khác, không lừa dối người đời sau. Đây chính là nói, bản thân ngài không có thứ gì, những gì cả đời ngài đã học, đã tu, đã dạy, đã truyền đều là giáo huấn của cổ thánh tiên hiền. Chỉ là trước kia những thứ đó rời rạc, tản mác trong dân gian, mà các dân tộc ở Trung Quốc rất nhiều, phân tán khắp nơi, ngài sưu tập nó lại, dùng văn tự ghi chép lại và lưu truyền đến ngày nay, đó gọi là tập đại thành. Chí

thánh, điều này giống như chúng ta xưng Phật vậy. Thánh, thánh nhân cũng có cấp bậc, đây là đã đạt đến mức cao nhất, giống như trong Phật pháp nói là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, dùng tôn xưng này đối với ngài, Đại thành chí thánh tiên sư, ngài là thầy. Phật là thầy, người Ấn Độ gọi là bốn sư, tức vị thầy căn bản, là cùng một ý nghĩa cùng với tiên sư mà Trung Quốc gọi.

Người học Phật đời sau y theo những kinh điển mà Phật đã giảng năm xưa, kinh điển chính là giáo trình, là tài liệu giảng dạy thời đó, giáo trình này cũng không phải do chính Thích-ca Mâu-ni Phật tự mình viết. Khổng tử phụ tử thực ra vẫn có một bộ trước tác, Hệ Từ Truyện trong kinh Dịch là do ngài viết, chúng ta thấy trước tác của Khổng tử, đây là tác phẩm tiêu biểu; Xuân Thu, lịch sử nước Lỗ là do ngài viết, ngoài ra thì rất ít. Bạn xem truyện, Xuân Thu có ba bộ truyện, lưu truyền rộng rãi nhất là Tả Truyện của Tả Khâu Minh. Truyện là gì? Truyện là chú giải. Nó có kinh và có truyện, kinh là do Khổng tử viết; truyện là ghi chép chi tiết về sự việc này, do Tả Khâu Minh soạn, gọi là Xuân Thu Tả Truyện, còn có Công Dương Truyện và Cốc Lương Truyện. Đây là lịch sử nước Lỗ lúc bấy giờ, là trước tác của ngài. Cho nên cả đời ngài là tin tưởng và ưa thích lời người xưa, thuật lại mà không sáng tác. Tâm thái cầu học của Thích-ca Mâu-ni Phật và Khổng tử hoàn toàn giống nhau, chúng ta xem thấy trong [giải thích] đề kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm của đại sư Thanh Lương, đại sư Thanh Lương đã nói: Thích-ca Mâu-ni Phật khi còn tại thế, giảng kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm, mỗi chữ mỗi câu ngài nói ra đều là những gì cổ Phật đã nói, chính ngài không hề thêm một chữ nào vào trong kinh điển của cổ Phật. So với lời Khổng phu tử nói còn nghiêm cẩn hơn nữa, không thêm một chữ nào vào kinh điển của cổ Phật. Chúng ta có thể tin tưởng không? Có thể tin tưởng. Dựa vào đâu mà tin tưởng? Dựa vào Như Lai, Phật hiện tại như cổ Phật tái lai, như vậy chẳng phải đã nói rõ rồi sao? Bạn chứng được cảnh giới này, cảnh giới tương đương!

Bạn nói và ngài nói là như nhau, làm sao có thể nói sai được? Hoàn toàn tương đồng. Những gì Bồ-tát nói thì khác, vì sao vậy? Bởi Bồ-tát chưa chứng được viên mãn rốt ráo; còn những gì chư Phật Như Lai nói là hoàn toàn giống nhau, nhất định không có hai. Vì vậy, nói về quan hệ giữa chúng ta với Phật, bạn thấy đây là quan hệ thầy trò. Nói một cách chặt chẽ, Phật là thầy của chúng ta, Bồ-tát là lớp khóa trên của chúng ta, A-la-hán cũng là lớp khóa trên của chúng ta, đều là học trò của Phật. Các ngài là khóa trước, chúng ta là khóa sau, là đồng học trước sau. Các ngài đã có thành tựu, chúng ta hiện nay thành tựu không bằng các ngài, cho nên những lớp khóa trên này cũng có thể dạy chúng ta, cũng có năng lực dạy dỗ chúng ta. Quan hệ phải làm cho rõ ràng, làm cho sáng tỏ, rồi sau đó mới biết Phật giáo không phải là tôn giáo, trong tôn giáo tuyệt đối không có cách nói như vậy.

Danh hiệu Thích-ca Mâu-ni, *“người Hoa (chỉ cho Trung Hoa) nói là Năng Nhân Tịch Mặc”*. Thích-ca Mâu-ni là tiếng Ấn Độ, nghĩa là gì? Ở đây dịch ra, Thích-ca dịch là năng nhân, Mâu-ni dịch là tịch mặc. Dưới đây có giải thích, *“Năng nhân là dụng, tịch mặc là thể. Đây là cực quả cứu cánh, ngôi thuyền đại nguyện, sanh đời ngũ trước, thị hiện thành Phật. Vì độ chúng ta mà diễn nói kinh này.”* Nhân là nhân từ. Trong danh hiệu đều là biểu pháp, đều là dạy học, Phật dạy điều gì? Những điều Phật dạy đều nằm trong danh hiệu. Năng nhân, dùng lời nói hiện nay mà nói, chính là có thể dùng lòng nhân từ để đối người tiếp vật, dạy chúng ta đối với người, đối với việc, đối với vật đều phải dùng lòng nhân ái, bậc nhân từ yêu thương người. Mâu-ni là đối với chính mình. Dùng tâm như thế nào đối với người, dùng tâm như thế nào đối với chính mình. Tịch mặc chính là thanh tịnh bình đẳng giác, đối với chính mình phải thanh tịnh, phải bình đẳng, chỉ cần dùng tâm thanh tịnh bình đẳng thì tự nhiên sẽ giác ngộ. Tâm thanh tịnh sanh trí tuệ, bình đẳng còn cao hơn thanh tịnh một bậc, liền khai ngộ. Vậy bạn sẽ hiểu được vì sao chúng ta không

khai ngộ? Bởi không bình đẳng, cảm thấy mình cao hơn người khác một chút, người khác không bằng mình, vậy thì sẽ không khai ngộ, không có cách gì. Chỉ thanh tịnh thôi vẫn chưa đủ, thanh tịnh chỉ có thể sanh trí tuệ, chưa phải là đại triệt đại ngộ, bình đẳng mới là đại triệt đại ngộ. A-la-hán đạt được là thanh tịnh, Bồ-tát đạt được là bình đẳng, Bồ-tát một khi khai ngộ thì liền thành Phật, đại triệt đại ngộ thì viên mãn, thì thành Phật.

Hiện nay chúng ta biết, buông xuống hết thấy chấp trước thì tâm mới thanh tịnh; buông xuống hết thấy phân biệt thì tâm bình đẳng, không phân biệt thì bình đẳng, hễ có phân biệt thì không bình đẳng. Đến khi nào mới giác ngộ? Không khởi tâm, không động niệm thì là đại triệt đại ngộ, không khởi tâm, không động niệm là phá phiền não vô minh, bạn đã thành Phật. Cho nên tịch mặc là thể, là tự thọ dụng, nhân từ là tha thọ dụng, Phật đến thế gian này thị hiện là vì độ chúng sanh, cho nên đặt nhân từ ở phía trước. Chúng ta giả thiết, nếu Thích-ca Mâu-ni Phật đến thế giới Cực Lạc làm Phật, ngài còn dùng danh hiệu này nữa không? Không dùng nữa, vì sao vậy? Vì người ở thế giới Cực Lạc ai ai cũng nhân từ, ai ai cũng thanh tịnh, danh hiệu này không còn tác dụng. Vậy thì phải làm sao? Đổi một danh từ khác, đổi thành danh từ nào? Đổi thành A-di-đà. Ở thế giới Cực Lạc làm Phật thì nhất định là A-di-đà, ở thế giới này của chúng ta làm Phật thì nhất định là Thích-ca Mâu-ni. Vì sao vậy? Con người chúng ta, người sống trên trái đất này, người ở thế giới Ta-bà, phạm vi lại rộng hơn, đối với người không có nhân từ, đều là tự tư tự lợi, cho nên dùng danh hiệu này để dạy bạn; đối với tâm của mình thì không thanh tịnh. Vì vậy, danh hiệu của ngài chính là tôn chỉ giáo dục và dạy học của ngài, đều nằm trong danh hiệu. Thế nên bạn hiểu được danh hiệu thì bạn sẽ biết được Thích-ca Mâu-ni Phật cả đời là giảng điều gì, dạy điều gì, liền biết ngay.

“Cực quả cứu cánh”, câu này là nói ngài đã chứng được viên mãn rốt ráo. Quả này là quả đức, tức là cũng giống như chúng ta ở trong trường học, học hành đã tốt nghiệp, đã tốt nghiệp viên mãn, những điều cần học đều học xong, các môn học đều học hoàn tất, lấy được học vị tiến sĩ, Phật chính là quả vị cao nhất. “Ngồi thuyền đại nguyện”, đây là vì ở nhân địa đã từng phát đại nguyện, các vị Bồ-tát trong quá khứ đều đã phát như vậy. Chúng ta hiện nay đây cũng phát rồi, đã phát thì phải phát cho chân thật, phải phát từ trong tâm mới có tác dụng, phát trên miệng thì không có tác dụng. Trên miệng thì đều đã phát, đã phát nguyện gì? Giống như Phật vậy, “chúng sanh vô biên thế nguyện độ, phiền não vô tận thế nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thế nguyện học, Phật đạo vô thượng thế nguyện thành”, là tứ hoằng thế nguyện này. Bao nhiêu đại nguyện của chư Phật Bồ-tát dù nhiều đến đâu cũng không ra ngoài bốn nguyện này, 48 nguyện của A-di-đà Phật, bạn tỉ mỉ quy nạp lại thì vẫn nằm trong bốn nguyện này. Bốn nguyện này là nguyện chung, bao gồm hết thủy nguyện. Cho nên sau khi Phật thành Phật, bốn loại nguyện này phải được thực hiện, nếu không thực hiện thì hóa ra ngài nói dối, trở thành lừa mình dối người, vậy thì làm sao có thể thành Phật được! Không chỉ A-la-hán không lừa mình dối người, nói cho quý vị biết, Tu-đà-hoàn Sơ quả của Tiểu thừa, Bồ-tát địa vị Sơ tín của Đại thừa, đây là giới luật căn bản, các ngài đều làm được, làm được rất viên mãn, tuyệt đối không có chuyện lừa mình dối người, nói được phải làm được.

Cho nên trong pháp giới hư không giới, trong vô lượng vô biên cõi nước, có rất nhiều cõi Phật trong đó có lục đạo, có mười pháp giới. Chúng ta đọc thấy trong phẩm Hoa Tạng Thế Giới và phẩm Thế Giới Thành Tựu của kinh Hoa Nghiêm, chúng sanh trong các cõi Phật này, đặc biệt là chúng sanh trong lục đạo là mê mà không giác, họ mê quá nặng. Đã mê thì họ tạo tội nghiệp, khi mê rồi thì biến trí tuệ bát-nhã trong tự tánh thành phiền não. Đây

là vừa mê liên thay đổi, trí tuệ biến thành phiền não, đức năng biến thành tạo nghiệp, tướng hảo biến thành lục đạo tam đồ, biến thành những thứ như vậy. Một khi giác ngộ, vừa giác ngộ thì lập tức quay đầu ngay, phiền não lại biến thành trí tuệ, tạo nghiệp lại biến thành đức năng, lục đạo lại biến thành tướng hảo, biến thành cõi Thật báo trang nghiêm. Cho nên tất cả đều không phải thật, đang biến đổi theo ý niệm. Ý niệm tốt nhất, nói với quý vị, chính là “A-di-đà Phật”. Bạn phải học được ở ngay chỗ này, ý niệm tốt nhất, trong pháp thế gian và xuất thế gian chẳng có ý niệm thứ hai nào có thể vượt hơn ý niệm này, tất cả cõi Phật mười phương đều không sánh bằng thế giới Cực Lạc. Vì sao vậy? Bởi ý niệm không giống nhau. Ý niệm A-di-đà Phật này thật sự là cực quả cứu cánh, thuần tịnh thuần thiện, tại sao chúng ta không nắm lấy niệm này? Chúng ta thấy từ xưa đến nay, thật sự có người đại phước đức, người đại trí tuệ, đại trí tuệ và đại phước đức này có thể là người nghèo hèn thấp kém không biết chữ, nhưng họ nắm chặt một câu A-di-đà Phật này, bạn thấy lúc lâm chung, đứng mà vãng sanh, ngồi mà vãng sanh, đi được ung dung như vậy, họ đã thành tựu. Người giàu sang hay người thông thường như chúng ta cũng chẳng thể nào sánh bằng họ. Cho nên phải hiểu, phải sáng tỏ đạo lý này, chúng ta phải hết lòng học tập theo họ, phải nắm chắc câu Phật hiệu này, niệm niệm không quên, bất luận làm việc gì, câu Phật hiệu này là chỗ nương tựa của chúng ta, thật sự đáng tin cậy. Nương tựa vào ai cũng đều không đáng tin, vì sao vậy? Toàn là giả, chỉ có Phật hiệu là thật, Phật hiệu là tánh đức, đây là chỗ đáng tin cậy nhất.

Cho nên Phật phải thực hiện bốn nguyện của ngài, đã phát nguyện này thì nhất định phải làm được, chúng sanh ở thế giới này có duyên với ngài, có duyên thì có cảm. Cho nên chúng ta biết rằng, trong tất cả hiện tượng vật chất thấy đều có thọ tướng hành thức, thọ tướng hành thức này là từng sát-na đang phóng quang. Sự phóng quang này chính là hiện tượng dao động

sóng, mỗi một dao động sóng đều trọn khắp pháp giới, cho nên chư Phật Như Lai đều tiếp nhận được. Sau khi tiếp nhận rồi thì phải xem có duyên hay không, có duyên thì ngài liền đến, không có duyên thì ngài không đến, có duyên thì đến. Cho nên nói Phật không độ người không có duyên, bạn không có duyên với ngài, nếu ngài đến rồi mà bạn không để ý tới ngài, bạn không tin ngài, không chịu tiếp nhận lời dạy bảo của ngài, vậy thì việc ngài đến như vậy lại khiến bạn tạo tội nghiệp. Phật Bồ-tát ứng hóa ở thế gian, tuyệt đối không để cho người thế gian tạo tội nghiệp tiêu cực, cho nên bạn có thể tiếp nhận thì ngài đến dạy bạn; bạn không thể tiếp nhận thì ngài sẽ tránh mặt bạn, đây là việc nên làm. “Đến đời ngũ trược”, tức là thế giới của chúng ta, hiện nay có thể nói là đã trược ác đến cực điểm, tai nạn nhiều như thế! “Thị hiện thành Phật”, thị hiện này chính là biểu diễn, ngài đã sớm thành Phật rồi, ngài là làm tấm gương cho chúng ta xem. Chính là bốn tịnh đức nói trong Hoàn Nguyên Quán, ngài đều làm được, tùy duyên diệu dụng; oai nghi đúng mực, làm gương cho chúng ta; nhu hòa chất trực, không hề kiêu mạn, thái độ nhu hòa, nội tâm chân thành. “Vì độ chúng ta mà diễn nói kinh này”, bạn xem chữ diễn này, diễn là làm ra, là biểu diễn, thân giáo! Thánh hiền thế gian và xuất thế gian dạy người đều là dùng thân giáo để biểu diễn, làm cho chúng ta xem, để bạn dần dần cảm nhận, để bạn dần dần giác ngộ, bạn dần dần quay đầu. Không phải chỉ nói, nói rồi mà họ chẳng nghe. Đợi đến khi họ thật sự có cảm nhận, họ quay đầu rồi, họ mới đến thỉnh giáo với bạn, lúc đó bạn mới nói cho họ nghe. Cho nên thuyết pháp phải có khả năng, chính là đạo lý này, bạn không thỉnh giáo ngài thì ngài sẽ không nói với bạn, nhưng ngài làm gì? Ngài làm cho bạn xem. Làm được rồi sau đó mới nói, đó là thánh nhân; nói được lại làm được, là hiền nhân; nói được mà không làm được thì trở thành gạt người, gạt người thì làm sao thành tựu được?

“Đó chính là từ phụ đại ân đại đức của hết thầy chúng sanh”, đây là cảm ơn đối với Phật. Vị thầy này giống như cha ruột của chính mình, thương yêu che chở con cái hết mực, toàn tâm toàn lực để dạy dỗ họ. “Là vị Đạo sư không pháp nào chẳng biết, không pháp nào chẳng thấy”, chúng ta thấy được điều này khắp nơi trong kinh điển. Quý vị phải biết, Đạo sư là tôn xưng dành cho Phật, Đại sư cũng là tôn xưng đối với Phật. Bạn xem những vị thông thường, chúng ta xem thấy trong kinh điển, những pháp sư phiên dịch kinh điển này, thông suốt Tam tạng thì gọi là Tam tạng pháp sư, các ngài không xưng là Đại sư, đây đều thuộc về lễ tiết, không thể không hiểu. Chúng ta xưng là Đại sư thì thật quá đáng rồi. Hiện tại trong xã hội có người rất tôn kính bạn, gặp mặt thì gọi bạn là Đại sư, bạn phải nói với họ rằng danh xưng này không thể dùng, chỉ được dùng cho Phật mà thôi. Bằng không mà nói, chúng ta gánh không nổi, danh không xứng với thực. Ví dụ bạn không phải là tổng thống, người ta khi gặp bạn lại gọi “ngài tổng thống”, bạn nghe rồi sẽ có cảm nhận thế nào? Bạn không phải Phật, mà bây giờ lại gọi bạn là Phật, tình hình cũng giống như vậy. Đạo sư không thể tùy tiện gọi, Đại sư cũng không thể tùy tiện gọi, nhất định phải hiểu điều này, không hiểu thì sẽ bị người ta chê cười. Cho nên người thường đọc kinh, học kinh giáo thì sẽ hiểu được. Chúng ta xưng hô với người thông thường, gọi là “trưởng lão” thì đã rất tôn kính rồi, không thể gọi là Đại sư được. “Cũng là Thích Tôn viên mãn đại giác”, đây chính là đức Phật trong kinh này, tức là chỉ cho Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta.

Trong đề mục đã giảng xong một chữ, bây giờ giảng đến chữ thứ hai là “thuyết”, “thuyết là duyệt vậy”. Thời xưa, vào thời xưa ở Trung Quốc, thuyết và duyệt là cùng một chữ, nhưng mặt chữ thì khác nhau, khi đọc đều đọc là duyệt. Bạn xem trong Luận Ngũ, ngay câu đầu tiên đã xem thấy: “Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”, nhưng chữ đó viết là thuyết (説), là thuyết có

chữ ngôn (言) bên cạnh, về sau mới có chữ tâm (心) đứng bên cạnh, ý nghĩa giống nhau, bất diệc duyệt hồ, đây là cổ âm. *“Trong lòng rất vui mừng”*, chính là điều mà trong lòng ngài niệm niệm không quên, niệm niệm không quên là gì? Là dạy học, giáo hóa chúng sanh. Hiện nay duyên của chúng sanh đã chín muồi, có thể tiếp nhận được, ngài vui mừng biết bao! Đây chính là *“chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”*, nguyện này có thể thực hiện được, duyên đã chín muồi, có thể thực hiện được. Cho nên trong lòng rất vui mừng, bởi vì tâm nguyện và duyên phận này đã đến. *“Hai chữ Phật thuyết, cho thấy rằng kinh này là do kim khẩu của Thế Tôn tuyên nói, chẳng phải lời nói của người nào khác.”* Kinh Phật rất nhiều, nhưng có rất nhiều bộ kinh mà trên đề kinh không có chữ *“Phật thuyết”*, số lượng kinh điển có thêm hai chữ Phật thuyết ở đầu chẳng nhiều. Vì sao có kinh được thêm ở đầu, có kinh lại không? Điều này là khi phiên dịch có thể lệ (có nguyên tắc), phàm là câu thứ nhất trong phần chánh tông là lời Phật nói, thì kinh này được thêm *“Phật thuyết”* ở đầu; nếu câu thứ nhất là do Bồ-tát hay người khác khai thỉnh, vậy thì không thêm *“Phật thuyết”*. Bộ kinh này của chúng ta, câu thứ nhất trong phần chánh tông đích thực là Phật nói, *“Phật bảo A-nan”*, câu thứ nhất là Phật bảo A-nan, không phải A-nan hỏi Phật, mà là Phật bảo A-nan, câu thứ nhất như vậy. Câu thứ nhất hình như là ở phẩm thứ tư, đúng vậy, phẩm thứ tư, phẩm Pháp Tạng Nhân Địa, phẩm thứ tư mới là phần chánh tông, nằm ở trang 179, quyển thứ hai, phần chánh tông. Trong phần chánh tông, bạn xem thử kinh văn: *“Phẩm thứ tư: Pháp Tạng Nhân Địa”*, câu thứ nhất: *“Phật bảo A-nan: Vô lượng không thể nghĩ bàn, vô số kiếp lâu xa thuở quá khứ, có Phật xuất thế hiệu là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai”*, bạn thấy câu đầu tiên là Phật nói, câu đầu tiên trong phần chánh tông là Phật nói. Cho nên về sau nếu quý vị thấy trên đề kinh có hai chữ Phật thuyết thì sẽ hiểu được nguyên do.

“Phật lấy việc độ sanh làm nguyện. Nay căn cơ chúng sanh đã chín muồi, có thể tiếp nhận đại pháp Tịnh độ, giải thoát rốt ráo. Vậy nên nay vui vẻ nói, để thỏa nguyện ban đầu.” Duyên phần này là vô cùng hiếm có khó gặp, vì sao vậy? Chúng sanh rất nhiều, căn tánh không giống nhau, sở thích cũng không giống nhau, những điều này đều có liên quan đến những gì đã học trong đời quá khứ. Đời trước học Tiểu thừa, đời này họ gặp Tiểu thừa thì hoan hỉ, còn Đại thừa thì họ không thể tiếp nhận; học Thiên, gặp rồi thì thích, thích Thiên; học Giáo, Giáo lại có rất nhiều tông phái, có người ưa Thiên Thai, có người ưa Hiền Thủ, có người ưa Pháp Tướng. Đây không phải chỉ đời này, mà là tập khí trong đời quá khứ, đời đời kiếp kiếp học rất tạp, học rất nhiều. Trong đủ thứ đã học đó, trong tâm bạn thật sự hoan hỉ với pháp môn nào, thì về sau khi gặp lại, hạt giống trong a-lại-da thức liền được nó dẫn khởi ra, là do nguyên nhân như vậy. Hôm nay chúng ta tiếp nhận pháp môn Tịnh độ không phải chuyện dễ, bản thân tôi tiếp nhận Tịnh độ rất khó, phải sau gần 20 năm học Phật rồi mới thật sự tiếp nhận. Sau khi thật sự tiếp nhận thì vô cùng hoan hỉ, cũng chính là nói, trước kia đã từng tu, cái gốc đó chôn được rất sâu, phải từ từ đào, đào 20 năm mới đào ra được. Không giống như một số người vừa tiếp xúc đã hoan hỉ. Chúng ta nhìn thấy thì rất hoan hỉ, tự than không bằng người ta, tôi phải mất 20 năm mới tin tưởng, sao họ vừa tiếp xúc mà đã tin tưởng, đã hoan hỉ rồi? Nhưng trong đây cũng có người rất hoan hỉ khi mới tiếp xúc, học được một thời gian không lâu thì thoái tâm, lại đi theo pháp môn khác. Chuyện như vậy rất nhiều, cũng rất bình thường, chúng ta thấy mà không lấy làm lạ. Bất luận bạn tu học pháp môn nào, chúng ta đều tán thán, đều hoan hỉ, đừng có tâm phân biệt. Chúng ta phải học Phật, Phật đối với chúng sanh nhất loạt bình đẳng, Phật đối với hết thảy chúng sanh, chúng sanh khởi tâm động niệm, Phật chẳng hề khởi tâm động niệm, chúng ta phải học không khởi tâm không động niệm, không bị cảnh giới bên ngoài

ảnh hưởng, vậy chúng ta mới xem là thật sự có công phu, có định lực! Điều này trong Phật pháp thường gọi là tam-muội, không bị hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng. Chúng ta biết vì sao họ lại như vậy, biết là quá khứ họ học rất tập, học rất nhiều. Vừa gặp đã hoan hỉ, chắc chắn là đời trước đã từng học, học được giữa chừng lại thay đổi, đây là vì đối với pháp môn đó trong quá khứ học được cũng tương đối sâu, đời này gặp duyên thì họ bỏ pháp môn này, quay sang pháp môn khác. Có thể thành tựu hay không? Bản thân họ không biết việc này, nếu như họ biết thì chắc chắn sẽ quay lại tu Tịnh độ. Vì sao vậy? Tịnh độ có thể một đời thành tựu, pháp môn khác thì chưa chắc. Tuy đời trước đã có gốc rễ rất sâu, đời này muốn thành tựu, thành tựu không có gì khác, xem bạn có đoạn được phiền não hay không? Điều này rất thực tế, mình có buông xuống được hay không?

Trong mấy chục năm nay, ít nhất có ba, bốn chục năm, tôi thường nói 16 chữ, buông xuống tự tư tự lợi, buông xuống danh văn lợi dưỡng, buông xuống ngũ dục lục trần, buông xuống tham sân si mạn. Buông được 16 chữ này, bạn có thể thành tựu không? Không có. Tôi nói lời thật, không nói lời giả, chỉ là dẫn bạn đến trước cửa mà thôi, chưa vào cửa. Buông xuống 16 chữ này rồi, bạn đứng ngay trước cửa, là trước cửa Tu-đà-hoàn, trước cửa Bồ-tát địa vị Sơ tín. Muốn bước vào trong, vậy thì phải dùng tiêu chuẩn của Phật, tiêu chuẩn đó cao hơn tiêu chuẩn tôi nêu, đó chính là nói, phải buông xuống thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến, năm thứ kiến hoặc này thấy đều phải buông xuống, bạn mới có thể vào cửa. Năm thứ kiến hoặc này chưa buông xuống thì vẫn chưa vào cửa, vẫn còn đứng ngoài cửa, không thể không biết điều này. Thế nhưng mặc dù chưa vào cửa, nếu gặp được pháp môn Tịnh độ thì nhất định được vãng sanh, nếu có thể thật sự làm được 16 chữ này thì nhất định được sanh Tịnh độ. Sanh về Tịnh độ, dù chỉ vãng sanh hạ hạ phẩm cội Phạm thánh đồng cư thì cũng sẽ một đời thành tựu viên mãn.

Đến thế giới Cực Lạc để làm gì? Đến thế giới Cực Lạc là để cầu học, A-di-đà Phật là thầy giáo, Văn-thù và Phổ Hiền là đồng học, lớp khóa trên, mỗi ngày gặp mặt, những người thượng thiện cùng tụ hội một chỗ, bạn có thể tham dự vào hoàn cảnh tu học này, bạn làm sao có thể không thành tựu cho được! Sự thù thắng của Tịnh độ được chư Phật Như Lai khắp mười phương tán thán, không phải giả, thật đúng như lời đại sư Thiện Đạo nói: “Vạn người tu, vạn người đi.”

Vì sao hiện nay người học Tịnh độ thì nhiều mà người thật sự vãng sanh lại ít? Đó là gì? Đó là vì họ tu học không như pháp. Người xưa tu học thì trước hết phải hiểu rõ kinh điển, kinh điển là gì? Là giới thiệu, tác dụng của kinh điển là giới thiệu, giới thiệu thế giới Tây Phương Cực Lạc cho bạn. Có lý luận, có cảnh giới, có phương pháp, mọi phương diện này bạn đều làm cho rõ ràng, làm cho sáng tỏ, rồi y theo đạo lý và phương pháp mà tu học, không một ai là không thành tựu. Phàm là những người niệm Phật mà không thể vãng sanh, không phải do có vấn đề về mặt lý luận thì cũng là do có vấn đề ở mặt phương pháp, cho nên không học vẫn là không được. Phật pháp nói về bốn giai đoạn là “tín, giải, hành, chứng”, vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc chính là chứng quả, chứng quả gì? Vô thượng Bồ-đề. Đây là thật chứ không phải giả, đây là chính A-di-đà Phật nói trong 48 nguyện, chỉ cần vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì bạn chính là Bồ-tát A-duy-việt-trí. A-duy-việt-trí là người thế nào? Đại đức xưa nói với chúng ta là bậc viên chứng tam bất thoái. Chúng ta biết được, chứng tam bất thoái là Bồ-tát Sơ trụ trong kinh Hoa Nghiêm, đã ra khỏi mười pháp giới, sanh về cõi Thật báo trang nghiêm của Như Lai, vậy còn gì bằng! Sơ trụ của Viên giáo, Sơ địa của Biệt giáo, đây là chứng tam bất thoái. Vì sao vậy? Bởi viên chứng, viên là viên mãn, chứng được viên mãn tam bất thoái thì không còn là Sơ trụ nữa, cổ nhân nói là từ Thất địa trở lên, địa vị này quá cao. Tại sao vãng sanh hạ

hạ phẩm cõi Phàm thánh đồng cư cũng được như vậy? Đó là do oai thần bốn nguyện của A-di-đà Phật gia trì bạn. Cũng tức là nói, trên thực tế bạn vẫn là cõi Phàm thánh đồng cư, một phẩm phiên nào vẫn chưa đoạn, thế nhưng đái ngọ ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, đái ngọ mà A-di-đà Phật dành cho bạn, là đái ngọ của Bồ-tát Thất địa, trí tuệ, thần thông, đạo lực của bạn dường như không khác gì Bồ-tát Thất địa. Điều này đến đâu để tìm đây! Ngoài thế giới Cực Lạc ra, bạn đi xem Đại tạng kinh, Thích-ca Mâu-ni Phật trước giờ chưa hề nói có cõi Phật nào đó giống như thế giới Cực Lạc, chưa từng giảng qua, chỉ có thế giới Cực Lạc có. Nếu thật sự đã nhận thức rõ ràng, khẳng định sự việc này, thì bạn còn động tâm nữa không? Pháp môn nào bạn cũng sẽ không động tâm.

Nhất là ngày nay, xã hội này động loạn, thế giới tai nạn nhiều như vậy, phải nắm chặt lấy thời gian, để làm gì? Niệm Phật! Chúng tôi cũng là do điều kiện hoàn cảnh mà phải tạm dừng kinh Hoa Nghiêm, sau đó lại đưa ra bộ kinh này để cúng dường mọi người. Tiến độ giảng bộ kinh này, dường như trung bình hai tiếng đồng hồ chỉ có thể giảng được một trang, xem ra như vậy thì ước chừng cũng phải hơn một ngàn tiếng đồng hồ. Sau khi giảng xong, hơn một ngàn giờ ước chừng cũng khoảng hai năm, sau khi giảng xong thì chúng ta sẽ tiếp tục giảng kinh Hoa Nghiêm. Quý vị phải biết, nắm được pháp môn này tức là nắm được cơ hội một đời này viên mãn thành Phật, hiếm có hơn bất cứ điều gì. Trước hết phải giải quyết xong việc thế giới Tây Phương Cực Lạc, hiện nay nói là làm visa, thủ tục đều hoàn tất rồi thì mình mới học các kinh luận khác, không sao cả, mình lúc nào cũng có thể đi, mình thật sự đi được, học hay không cũng không quan trọng. Nếu chưa lấy được visa này thì không được! Bạn có nắm chắc phần vãng sanh thế giới Cực Lạc hay không? Lắc đầu, không nắm chắc, vậy thì sao được! Cho nên hội giảng này, chính là nơi để làm visa đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, hy vọng mỗi

người đều có thể lấy được, vậy thì bạn an tâm. Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta học tập đến đây.